NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-PC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật đề nghị bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành và trên cơ sở kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 - 2026, Vụ Pháp chế báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH

(i) Về cơ sở pháp lý:

- **Về thẩm quyền ban hành**: Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung) về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật "*Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo; văn bản khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ*".

- **Về trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**: Tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025) quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong đó có quy định: *"b) Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về rà soát, hệ thống hóa văn bản có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản."*

- Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định: "*Các cơ quan quy định tại Điều 64 của Luật quyết định xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát theo quy định tại Điều 38*[1], *43 và Điều 44 của Nghị định này*".

- **Về hình thức bãi bỏ VBQPPL**: Tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật bị bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này.*"[2].

Khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025) "*2. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do mình ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này*[3]"

Căn cứ tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP nêu trên, Vụ Pháp chế đề xuất hình thức thức bãi bỏ văn bản QPPL bằng hình thức thông tư. (Do văn bản bãi bỏ bằng hình thức nghị quyết hoặc quyết định hành chính chỉ trong *trường hợp toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản trái pháp luật hoặc trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng.*)

(ii) Về cơ sở thực tiễn:

---

[1] "*Điều 38. Hình thức xử lý văn bản quy phạm pháp luật được rà soát*
1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản được áp dụng như sau:
a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng;"

[2] *Khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung)*
"2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó. Trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính thì hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật được xác định như sau:
a) Trường hợp một đơn vị hành chính được chia thành nhiều đơn vị hành chính mới cùng cấp, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được chia tiếp tục có hiệu lực đối với các đơn vị hành chính mới cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới có quyết định khác;
b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;"

[3] *3. Cơ quan, người có thẩm quyền có thể ban hành nghị quyết hoặc quyết định hành chính để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần nội dung văn bản trái pháp luật hoặc trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng.*

Trên cơ sở Báo cáo 611/BC-NHNN ngày 30/10/2026 Báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của NHNN tại Phụ lục 4 - Danh mục các VBQPPL đề xuất bãi bỏ toàn bộ và kết quả rà soát VBQPPL[4] cần phải thực hiện bãi bỏ do chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 tại Quyết định số 3464/QĐ-NHNN ngày 15/10/2025, theo đó có 17 VBQPPPL (trong đó bao gồm 09 Quyết định, 03 Chỉ thị và 05 Thông tư do Thống đốc NHNN ban hành) còn hiệu lực nhưng không còn được áp dụng trên thực tế, do các đơn vị thuộc NHNN thực hiện rà soát.

Trên cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành một Thông tư để bãi bỏ các VBQPPL do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành không còn áp dụng trên thực tế là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU RÀ SOÁT

1. Mục đích

- Đánh giá tình trạng hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành;

- Phát hiện các văn bản hết hiệu lực, không còn phù hợp hoặc không còn đối tượng áp dụng trên thực tế;

- Đề xuất xử lý nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật;

- Phục vụ xây dựng Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Việc rà soát phải đầy đủ, khách quan, chính xác;

- Đánh giá rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của từng văn bản được đề xuất xử lý;

- Không làm phát sinh khoảng trống pháp lý trong quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành còn hiệu lực hoặc chưa được công bố hết hiệu lực nhưng:

- Không còn được áp dụng trên thực tế;

---

[4] Danh mục VBQPPL tại Phụ lục 4 đã được các đơn vị rà soát và kế thừa kết quả tại Quyết định số 3464/QĐ-NHNN ngày 15/10/2025

- Đã hết căn cứ pháp lý;

- Đã được thay thế;

- Không còn đối tượng điều chỉnh;

- Không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức mới;

- Hết giai đoạn áp dụng.

2. Đối tượng rà soát

Tổng số văn bản được rà soát và bãi bỏ đối với 17 VBQPPL (trong đó bao gồm 09 Quyết định, 03 Chỉ thị và 05 Thông tư do Thống đốc NHNN ban hành).

IV. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

(Chi tiết tại Phụ lục Bản thuyết minh kèm theo)

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Kết quả rà soát cho thấy các văn bản đề xuất bãi bỏ chủ yếu thuộc các nhóm: văn bản hết thời gian áp dụng; văn bản hết căn cứ pháp lý; văn bản được thay thế; văn bản không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy sau sắp xếp; văn bản đã được tích hợp nội dung vào văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể như sau:

1. Việc bãi bỏ các văn bản nêu trên không tạo khoảng trống pháp lý vì:

- Các quy định đã hết thời gian áp dụng;

- Đã có văn bản mới thay thế;

- Hoặc không còn đối tượng điều chỉnh.

2. Việc bãi bỏ góp phần:

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật;

- Giảm chồng chéo, trùng lặp văn bản;

- Thuận lợi trong tra cứu, áp dụng pháp luật;

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Việc bãi bỏ không:

- Phát sinh thủ tục hành chính mới;

- Làm ảnh hưởng quyền, nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

- Phát sinh yêu cầu nguồn lực thực hiện.

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả rà soát nêu trên, Vụ Pháp chế kiến nghị:

1. Xây dựng và ban hành 01 Thông tư bãi bỏ đối với 17 VBQPPL (trong đó bao gồm 09 Quyết định, 03 Chỉ thị và 05 Thông tư do Thống đốc NHNN ban hành);

2. Giao Vụ Pháp chế chủ trì hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, PC.NSThương

Đính kèm:
- Phụ lục bảng thuyết minh

KT.VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Duy

BẢN THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành

(Kèm theo Báo cáo số: ...../BC-PC ngày ...../11/2026 của Vụ Pháp chế)

STT	Tên VB được rà soát	Căn cứ rà soát	Phân tích lý do đề xuất bãi bỏ toàn bộ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Quyết định số 307/1997/QĐ-NH2 ngày 16/09/1997 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Ban hành quy định ký hiệu của chứng từ và ký hiệu về nội dung nghiệp vụ liên quan đến thanh toán	- Thực tiễn hoạt động thanh toán của NHNN - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	- Quyết định số 307/1997/QĐ-NH2 được ban hành từ năm 1997 khi hệ thống thanh toán chủ yếu là chứng từ giấy, quy trình xử lý chứng từ thủ công, việc sử dụng các ký hiệu của chứng từ và ký hiệu về nội dung nghiệp vụ liên quan đến thanh toán theo Quyết định số 307/1997/QĐ-NH2 không còn phù hợp và không được áp dụng trong thực tiễn. Hiện nay, nội dung các giao dịch thanh toán thực hiện qua các hệ thống thanh toán được chuẩn hóa và xử lý theo cấu trúc dữ liệu điện tử. Mặc dù không còn sử dụng "ký hiệu chứng từ" và "ký hiệu nội dung nghiệp vụ" theo dãy số 5 chữ số như Quyết định số 307/1997/QĐ-NH2 quy định nhưng việc phân loại và xử lý chứng từ vẫn được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Bên cạnh đó, các VBQPPL được ban hành trong thời gian gần đây quy định về hoạt động thanh toán và mẫu chứng từ thanh toán cũng không đề cập đến việc sử dụng "ký hiệu chứng từ" và "ký hiệu nội dung nghiệp vụ" trên chứng từ. Cụ thể như mẫu Lệnh chuyển có, Lệnh chuyển nợ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-NHNN ngày 25/6/2024 quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia không còn thể hiện nội dung này. - Quy định tại Quyết định đã cũ, không còn phù hợp với

			thực tế và với các chủ trương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
2	Quyết định số 56/1999/QĐ-NHNN2 ngày 12/02/1999 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Ban hành Quy định về xây dựng, cấp phát, sử dụng và quản lý Mã khoá bảo mật trong thanh toán chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nhà nước	- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - Thông tư số 08/2024/TT-NHNN ngày 25/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia	- Điều, khoản có vướng mắc: Toàn bộ Quyết định số 56/1999/QĐ-NHNN2, tập trung tại Điều 1 đến Điều 20 - Nội dung vướng mắc: Điều 1 đến Điều 4 quy định cơ chế mã khóa bảo mật gắn với việc chuyển tiền điện tử giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước; Điều 5 đến Điều 10 quy định xây dựng, cấp phát và quản lý cấp phát mã khóa; Điều 11 đến Điều 20 quy định sử dụng, đình chỉ, thu hồi, thay đổi, giao nhận, bảo quản và hủy bỏ mã khóa. Điều 2 và Điều 11 gắn cơ chế mã khóa với quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử ban hành kèm theo Quyết định số 469/1998/QĐ-NHNN2. Quyết định số 469/1998/QĐ-NHNN2 được thay thế bởi Quyết định số 134/2000/QĐ-NHNN2; Quyết định số 134/2000/QĐ-NHNN2 sau đó bị bãi bỏ theo khoản 4 Điều 1 Thông tư số 04/2017/TT-NHNN. Trong quá trình chuyển đổi phương thức thanh toán, chuyển tiền, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng tại Thông tư số 23/2010/TT-NHNN, Thông tư số 37/2016/TT-NHNN và hiện nay là Thông tư số 08/2024/TT-NHNN. Thông tư số 08/2024/TT-NHNN quy định khuôn khổ quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, trong đó có xử lý lệnh thanh toán và sử dụng chữ ký điện tử. Khuôn khổ này là cơ sở đối chiếu với cơ chế mã khóa bảo mật gắn với mô hình chuyển tiền điện tử trước đây theo Quyết định số 56/1999/QĐ-NHNN2. - Căn cứ thực tiễn: Qua rà soát, hạ tầng và phương thức thanh toán, bảo mật đã thay đổi; cơ chế mã khóa riêng theo mô hình trước đây không còn phù hợp.

3	Quyết định số 718/2001/QĐ-NHNN ngày 29/05/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về việc thay đổi cơ chế điều hành lãi suất cho vay bằng Đôla Mỹ của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng	- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010. - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025. - Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	- Căn cứ pháp lý làm cơ sở cho việc xây dựng Quyết định 718/2001/QĐ-NHNN đã hết hiệu lực bao gồm Luật NHNN năm 1997, Luật Các TCTD năm 1997, Nghị định 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang bộ. Tại khoản 2 Điều 100 quy định: TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD theo quy định của pháp luật về các TCTD. - Nội dung quy định tại Quyết định 718/2001/QĐ-NHNN đã được quy định tại Luật NHNN 2010, Luật Các TCTD 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung), Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (đã được sửa đổi, bổ sung). Tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN: (i) Điều 11 quy định TCTD và khách hàng thỏa thuận về việc cho vay bằng VND hoặc bằng ngoại tệ phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan; (ii) khoản 1 Điều 13 quy định TCTD và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng; (iii) điểm c khoản 4 Điều 13 quy định khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
4	Quyết định số 1380/2002/QĐ-NHNN ngày 16/12/2002 của	Khoản 3 Điều 72 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm	Căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 là a) Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng và b) Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ

	Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quyết định về việc huỷ bỏ quy định mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản của các tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành		về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng đã bị bãi bỏ tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm
5	Quyết định số 55/2003/QĐ-NHNN ngày 17/01/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tai nạn thương tích ngành Ngân hàng.	-Quyết định số 195/2001/QĐ-TTg ngày 26/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích; - Quyết định số 197/2001/QĐ ngày 27/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chính sách quốc gia phòng, chống tai nạn, thương tích giai đoạn 2002-2010; - Văn bản phúc đáp số 6090/BYT-PC ngày 13/8/2026 của Bộ Y tế về việc hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật.	Lý do: rà soát theo tiêu chí 2 của Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ cho thấy: Quyết định số 55/2003/QĐ-NHNN ngày 17/01/2003 được ban hành để quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tai nạn thương tích ngành Ngân hàng, trên cơ sở Quyết định số 195/2001/QĐ-TTg ngày 26/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích và trong bối cảnh triển khai Chính sách quốc gia phòng, chống tai nạn, thương tích giai đoạn 2002–2010. Đến nay, giai đoạn thực hiện Chính sách quốc gia nêu trên đã kết thúc; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không ban hành chương trình tổng thể về phòng, chống tai nạn, thương tích cho giai đoạn tiếp theo với mô hình tổ chức tương ứng. Đồng thời, công tác phòng, chống tai nạn, thương tích hiện được điều chỉnh và tổ chức thực hiện theo pháp luật, chương trình, kế hoạch chuyên ngành đối với từng lĩnh vực, nhóm đối tượng. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và đối tượng quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số

			55/2003/QĐ-NHNN cũng không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc NHNN hiện nay. - Trên thực tế, Ban Chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích ngành Ngân hàng được thành lập theo Quyết định số 1137/QĐ-NHNN ngày 17/10/2002 không còn duy trì hoạt động, các thành viên trong Ban chỉ đạo đã nghỉ hưu theo chế độ và không có bổ sung thay thế. - Căn cứ theo Công văn số 6090/BYT-PC ngày 13/8/2026 của Bộ Y tế (về việc hỗ trợ rà soát VBQPPL), Chương trình quốc gia phòng, chống tai nạn, thương tích giai đoạn 2002-2010 đã kết thúc, mô hình Ban Chủ nhiệm Chương trình không còn được duy trì; các nhiệm vụ liên quan được thực hiện theo chức năng của các bộ, ngành và địa phương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch chuyên ngành hiện hành. Bộ Y tế cũng nhận thấy không cần thiết phải duy trì Ban Chủ nhiệm chương trình phòng, chống tai nạn thương tích. Vì vậy, đề xuất bãi bỏ Quyết định số 55/2003/QĐ-NHNN nhằm xử lý các quy định về tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo gắn với chương trình đã kết thúc. Các nhiệm vụ phát sinh, nếu có, sẽ do đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có chức năng phù hợp chủ trì, phối hợp thực hiện.
6	Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN ngày 19/12/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Ban hành quy định	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; - Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật	- Điều, khoản có vướng mắc: Toàn bộ Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN. - Nội dung vướng mắc: Điều 1 đến Điều 4 quy định chung, thuật ngữ, bản quyền và nâng cấp; Điều 5 đến Điều 22 quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình gia công, triển khai và mua sắm; Điều 23 đến Điều 25 quy định xử lý vi phạm, trách nhiệm thi hành và sửa đổi, bổ sung. Các nội dung tạo thành cơ

	về tiêu chuẩn kỹ thuật trong gia công, mua sắm phần mềm nghiệp vụ ngân hàng	Chuyển đổi số. - Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Thông tư số 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng (trong phạm vi các quy định còn hiệu lực và có liên quan)	chế quản lý thống nhất theo mô hình năm 2003. - Căn cứ thực tiễn: + Qua rà soát, bộ tiêu chuẩn và quy trình riêng theo Quyết định không còn áp dụng như một cơ chế quản lý thống nhất; yêu cầu kỹ thuật được xác định theo pháp luật, đặc điểm của từng hệ thống, sản phẩm, dự án và hợp đồng. + Hiện không ghi nhận dự án nào đang triển khai phải tiếp tục áp dụng quy trình kỹ thuật hoặc quy định mua sắm riêng theo Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN. Việc bãi bỏ Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN không loại bỏ trách nhiệm bảo đảm chất lượng, an toàn thông tin, bản quyền, kiểm thử, bảo hành và bảo trì; việc thực hiện căn cứ hợp đồng, hồ sơ dự án được phê duyệt và pháp luật có liên quan. - Điều, khoản có vướng mắc: Toàn bộ Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN và Quy định ban hành kèm theo, tập trung tại Điều 5 đến Điều 22 - Nội dung vướng mắc: + Điều 5 đến Điều 10 quy định các tiêu chuẩn cơ bản về công nghệ, an toàn, bảo mật, thiết kế, giao diện và tài liệu. Các yêu cầu về an toàn, bảo mật, khả năng kết nối, giao diện và tài liệu kỹ thuật vẫn cần được bảo đảm. Một số nội dung về an toàn, bảo mật đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành; đối với các tổ chức tín dụng thuộc phạm vi áp dụng, Thông tư số 09/2020/TT-NHNN có quy định về kiểm soát truy cập và bảo đảm an toàn, bảo mật ứng dụng; Đối với phần mềm nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, yêu cầu kỹ thuật cần phù hợp với đặc điểm nghiệp vụ, kiến trúc và yêu cầu của từng hệ thống. Việc áp dụng thống nhất một bộ yêu cầu kỹ thuật theo Quyết định số 1630/2003/QĐ-NHNN có thể chưa đáp ứng đầy đủ sự khác biệt giữa các hệ thống phần mềm

			của các đơn vị. + Điều 11 đến Điều 19 quy định các công đoạn phát triển và triển khai phần mềm. Các công đoạn này vẫn cần thiết nhưng phương thức thực hiện được xác định phù hợp với mô hình phát triển, đặc điểm từng hệ thống; không còn phù hợp để duy trì một trình tự kỹ thuật chung theo mô hình năm 2003. + Điều 20 đến Điều 22 quy định mua sắm, bảo hành, bảo trì và phát hành. Hoạt động mua sắm thuộc phạm vi Luật Đấu thầu thực hiện theo pháp luật đấu thầu; đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và pháp luật liên quan trong phạm vi áp dụng. Yêu cầu nghiệm thu, bảo hành, bảo trì và phát hành được xác định theo sản phẩm, dự án, hợp đồng và pháp luật áp dụng. - Căn cứ thực tiễn: Hoạt động phát triển, mua sắm và triển khai phần mềm hiện nay được thực hiện theo các quy định pháp luật chuyên ngành và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của từng dự án, hệ thống; việc duy trì một bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình riêng theo mô hình năm 2003 không còn phù hợp
7	Quyết định số 738/2004/QĐ-NHNN ngày 16/06/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về việc ban hành quy định về mã khoá bảo mật của các nghiệp vụ đấu thầu tín phiếu, trái phiếu	- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023; - Thông tư số 59/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 quy định việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	- Điều, khoản có vướng mắc: Toàn bộ Quyết định số 738/2004/QĐ-NHNN và Quy định ban hành kèm theo. - Nội dung vướng mắc: + Quyết định 738/2004/QĐ-NHNN quy định cơ chế sử dụng và quản lý mã khóa riêng để phê duyệt giao dịch điện tử. Trong khi đó, điểm c khoản 13 Điều 3 Thông tư số 59/2025/TT-NHNN xác định Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở thuộc phạm vi các hệ thống sử dụng chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN: Thông tư số 59/2025/TT-NHNN quy định việc sử dụng chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN đối với Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ

	và nghiệp vụ thị trường mở		thị trường mở tại điểm c khoản 13 Điều 3, cùng các quy định về cấp, quản lý, sử dụng chứng thư tại các Điều 9 đến 19 Các quy định này điều chỉnh phương thức ký duyệt, xác thực giao dịch điện tử. + Điều 1 đến Điều 8 quy định cơ chế, cấp phát, quản lý, sử dụng và hiệu lực mã khóa; Điều 9 đến Điều 12 quy định hành vi bị cấm, xử lý vi phạm, trách nhiệm và việc sửa đổi, bổ sung gắn với cơ chế này. Hiện nay, theo giải pháp kỹ thuật của Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở, cơ chế mã khóa riêng theo Quyết định không còn được áp dụng trong thực tế; các quy định về cấp phát, quản lý, sử dụng mã khóa và trách nhiệm tổ chức thực hiện gắn với cơ chế này không còn cần thiết duy trì; - Căn cứ thực tiễn: Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở hiện không còn sử dụng cơ chế cấp phát, quản lý mã khóa truy nhập và mã khóa mã hóa, giải mã dữ liệu dự thầu theo Quyết định số 738/2004/QĐ-NHNN; việc phê duyệt xác thực giao dịch điện tử được thực hiện bằng chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN. Việc bãi bỏ Quyết định không loại bỏ yêu cầu xác thực, an toàn và bảo mật giao dịch; không làm thay đổi giá trị pháp lý của giao dịch, hồ sơ điện tử đã được xác lập hợp pháp. Việc lưu trữ và quản lý dữ liệu thực hiện theo pháp luật liên quan.
		Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	- Điều, khoản có vướng mắc: Toàn bộ Quyết định số 738/2004/QĐ-NHNN và Quy định ban hành kèm theo, tập trung tại Điều 1, Điều 2 và Điều 4 đến Điều 8. - Nội dung vướng mắc: Quyết định quy định ba loại mã khóa: truy nhập hệ thống; phê duyệt dữ liệu giao dịch điện tử; mã hóa, giải mã dữ liệu đăng ký dự thầu. Điều 4 quy định giao dịch điện tử có giá trị khi được người có thẩm quyền phê

			duyệt bằng mã khóa phê duyệt. Điểm c khoản 13 Điều 3 Thông tư số 59/2025/TT-NHNN xác định Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở thuộc nhóm hệ thống sử dụng chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN; các Điều 9 đến Điều 19 quy định về cấp, quản lý, sử dụng chứng thư và trách nhiệm liên quan. Đối với mã khóa truy nhập hệ thống và mã khóa mã hóa, giải mã dữ liệu đăng ký dự thầu, Hệ thống đấu thầu và nghiệp vụ thị trường mở hiện không còn sử dụng các mã khóa theo cơ chế quy định tại Quyết định số 738/2004/QĐ-NHNN. - Căn cứ thực tiễn: Ngân hàng Nhà nước hiện đã triển khai hạ tầng chữ ký điện tử chuyên dùng và áp dụng thống nhất cơ chế xác thực điện tử trong các giao dịch điện tử (Thông tư số 59/2025/TT-NHNN quy định thống nhất về việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng), thay thế phương thức quản lý mã khóa riêng theo từng nghiệp vụ; việc phê duyệt giao dịch áp dụng chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN, cơ chế quản lý mã khóa riêng theo Quyết định 738/2004/QĐ-NHNN không còn được áp dụng.
8	Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN ngày 29/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Ban hành Quy chế quản lý vốn hỗ trợ của Nhà nước cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân tại	- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung) - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung)	1. Sự thay đổi về mô hình tổ chức và định danh của đối tượng áp dụng Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN quy định việc quản lý của Ngân hàng Nhà nước đối với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước tại "Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương". Tuy nhiên, ngày 04/6/2013, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 166/GP-NHNN, cho phép thành lập "Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam" (tên viết tắt: Ngân hàng Hợp tác; tên tiếng Anh: Co-operative bank of Vietnam) trên cơ sở chuyển đổi từ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương. Do chủ thể "Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương" đã không

	Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương		còn tồn tại trên thực tế, việc tiếp tục duy trì một quy chế quản lý vốn áp dụng riêng cho một định danh và mô hình tổ chức cũ là không còn cơ sở thực tiễn. 2. Hệ thống văn bản làm căn cứ ban hành đã hết hiệu lực pháp luật Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN được ban hành dựa trên hệ thống các văn bản luật hiện đã hết hiệu lực thi hành, bao gồm: Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2003), Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004) và Luật Hợp tác xã năm 2003. Kể từ năm 2013, cơ sở pháp lý nền tảng điều chỉnh tổ chức và hoạt động của mô hình mới (Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam) là Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 và Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12. Như vậy, do toàn bộ hệ thống căn cứ pháp lý cốt lõi đã bị thay thế hoàn toàn, Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN không còn cơ sở pháp lý để tiếp tục duy trì hiệu lực. 3. Về việc chuyển giao nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước khi chuyển đổi mô hình tổ chức: Khoản 1 Điều 48 Thông tư số 31/2012/TT-NHNN đã có quy định "1. Ngân hàng hợp tác xã kế thừa và tiếp tục thực hiện mọi quyền hạn và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp cũng như có trách nhiệm xử lý mọi tồn tại, phát sinh từ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan. Về căn cứ pháp lý quản lý nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước hiện hành: Kể từ sau khi chuyển đổi mô hình tổ chức đến nay, phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được quản lý theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (hiện nay là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

			được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15), pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các Nghị định của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng (trước đây là Nghị định số 57/2012/NĐ-CP, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định số 135/2025/NĐ-CP) và Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (hiện nay là Thông tư số 27/2024/TT-NHNN). Như vậy, do toàn bộ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước đã được chuyển giao và đang chịu sự điều chỉnh trực tiếp của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nêu trên, việc bãi bỏ Quyết định số 61/2006/QĐ-NHNN hoàn toàn bảo đảm tính khả thi, không tạo ra khoảng trống pháp lý trong công tác quản lý vốn nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và không phát sinh nội dung cần quy định chuyển tiếp.
9	Quyết định số 32/2006/QĐ-NHNN ngày 19/07/2006 của Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về kế toán trên máy vi tính đối với Ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - Thực tiễn công tác kế toán của ngành ngân hàng	- Quy định tại Quyết định đã cũ, không còn phù hợp với thực tế và với các chủ trương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. -Cụ thể về các Điều khoản như sau: - Điều 3 về Nguyên tắc thực hiện kế toán trên máy vi tính, Điều 4 về Điều kiện thực hiện kế toán trên máy vi tính: + NHNN: Áp dụng quy định tại Điều 26 Luật Kế toán năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 25/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 quy định Quy trình luân chuyển, kiểm soát, đối chiếu và tập hợp chứng từ kế toán trong hệ thống "Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống" tại NHNN Việt Nam. + TCTD: Thực hiện theo các quy định tại khoản 7 Điều 26

			Luật Kế toán năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung), Điều 28 Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2026 về Chế độ kế toán doanh nghiệp và phù hợp với điều kiện công nghệ thông tin, hệ thống kế toán của từng đơn vị. - Điều 5 Tổ chức bộ máy kế toán; Điều 6 Trách nhiệm của các thành viên tham gia kế toán trên máy vi tính; Điều 7 Kiểm soát, nhập dữ liệu vào hệ thống thông tin kế toán; Điều 10 Kiểm tra, đối chiếu hàng ngày; Điều 11. Kiểm tra đối chiếu cuối tháng, quý, năm. + NHNN: Áp dụng quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 quy định Quy trình luân chuyển, kiểm soát, đối chiếu và tập hợp chứng từ kế toán trong hệ thống "Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống" tại NHNN Việt Nam. + Các TCTD: Do người đại diện pháp luật của đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Kế toán và phù hợp với điều kiện công nghệ thông tin, hệ thống kế toán của từng đơn vị Đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần tuân thủ quy định tại Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. - Điều 8 Các loại bảng kê, sổ, báo cáo kế toán sử dụng trong kế toán trên máy vi tính; Điều 9 Quy định về in các bảng kê, sổ, báo cáo kế toán: + NHNN: Áp dụng quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 quy định Quy trình luân chuyển, kiểm soát, đối chiếu và tập hợp chứng từ kế toán trong hệ thống "Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ

			thống" tại NHNN Việt Nam. + Các TCTD: Thực hiện theo các quy định tại các Điều 24, 25, 26, 27 Luật Kế toán năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung), Chương IV (Điều 12, 13) Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2026 về Chế độ kế toán doanh nghiệp.
10	Chỉ thị số 04/2006/CT-NHNN ngày 16/11/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về việc tăng cường công tác bảo mật thông tin trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước	Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025, Nghị định 63/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/02/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ bí mật nhà nước	Lý do: rà soát theo tiêu chí 2 của Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ cho thấy: - Các văn bản quy định của Nhà nước, NHNN về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin của NHNN nêu trong Chỉ thị 04 để yêu cầu các đơn vị quán triệt, phổ biến, thực hiện đã hết hiệu lực và có văn bản thay thế. Một số nội dung khác về bảo mật thông tin trong môi trường mạng… tại Chỉ thị 04 cũng đã có quy định mới theo Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025, Nghị định 63/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/02/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Mặt khác, theo Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025, NHNN không được ban hành VBQPPL về bảo vệ bí mật nhà nước -Chỉ thị số 04/2006/CT-NHNN được Thống đốc NHNN ký ban hành ngày 16/11/2006. Hiện nay, pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước đã thay đổi với sự ra đời của Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và 2025 và các văn bản hướng dẫn Luật. Các nội dung chỉ đạo về bảo vệ bí mật nhà nước tại Chỉ thị đều đã được sửa đổi, bổ sung bởi các quy định mới tại Luật, các văn bản hướng dẫn Luật. Đồng thời, NHNN đã kịp thời ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước (Quyết định số 2081/QĐ-NHNN ngày 22/9/2026), các văn bản hướng dẫn triển khai để đảm bảo thực hiện đúng, đồng bộ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong hệ thống NHNN tuân thủ Luật bảo vệ bí mật nhà nước, tránh khoảng trống pháp lý về bảo mật thông tin

			trong hệ thống.
11	Chỉ thị số 01/2008/CT-NHNN ngày 29/01/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về việc tăng cường chỉ đạo công tác thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân	- Quyết định số 31/2018/QĐ-TTg TTg ngày 03/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng; tài chính; ngân hàng - Thông tư số 10/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân	1. Văn bản làm căn cứ định hướng ban hành đã hết hiệu lực pháp luật Chỉ thị số 01/2008/CT-NHNN được ban hành nhằm tổ chức triển khai Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg ngày 28/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân. Tuy nhiên, ngày 03/8/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 31/2018/QĐ-TTg (có hiệu lực từ ngày 20/9/2018), trong đó khoản 1 Điều 1 quy định bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg. Do văn bản làm căn cứ pháp lý và định hướng trực tiếp đã hết hiệu lực, việc tiếp tục duy trì Chỉ thị số 01/2008/CT-NHNN là không còn cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng. 2. Về việc chuyển giao chỉ đạo và vướng mắc thực tế: Mục tiêu của Chỉ thị là đôn đốc thực hiện Quyết định số 135/2000/QĐ-TTg (đã bị bãi bỏ). Hiện nay, toàn bộ cơ sở pháp lý về thanh lý QTDND đã được quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24/6/2025. Việc áp dụng Thông tư số 10/2025/TT-NHNN đảm bảo khung pháp lý, không tạo ra khoảng trống chính sách và không phát sinh vướng mắc trên thực tế khi bãi bỏ Chỉ thị số 01/2008/CT-NHNN.
12	Chỉ thị số 02/2008/CT-NHNN ngày 04/03/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về tăng cường công tác bảo vệ an ninh,	Luật số: 55/2024/QH15 ngày 30/12/2024 của Quốc hội ban hành Luật Phòng cháy, chữa chữa và cứu nạn, cứu hộ; Luật số 42/2024/QH15 ngày 26/8/2024 của Quốc hội ban hành Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ Quy định các mục tiêu quan trọng về	-Chỉ thị không còn phù hợp do một số Luật, văn bản quy phạm pháp luật ban hành, + Nội dung Chỉ thị chủ yếu là các nhiệm vụ, yêu cầu mang tính chỉ đạo, điều hành hành chính đối với các đơn vị trong hệ thống NHNN; không đặt ra các quy tắc xử sự chung độc lập cần tiếp tục duy trì. + Các nội dung cụ thể về các nhiệm vụ tại chỉ thị hiện nay đều có văn bản quy định riêng và đều được cập nhật, cụ thể (1)

	an toàn tài sản, phòng chống cháy nổ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước	chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - Kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan; Nghị định số 39/2021/NĐ-CP ngày 30/03/2021của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2009 ngày 23/4/2009; Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ về Quy định bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; Quy chế phối hợp số 04/QCPH-BCA-NHNN ngày 26/11/2024 về Quy chế Phối hợp giữa Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng	Tại mục 1 của Chỉ thị trong đó có nêu về công tác phòng chống khủng bố đến nay đã có Luật phòng chống khủng bố số 28/2023/QH13 theo đó công tác phòng chống khủng bố của NHNN thực hiện theo luật 2023. (2) Mục 2 việc bố trí, sử dụng lao động được rà soát theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; Đến nay toàn bộ lực lượng bảo vệ chuyên trách (biên chế) đã chuyển sang ký hợp đồng lao động. (3) Mục 3, mục 4: công tác phòng cháy, chữa cháy được điều chỉnh bởi Luật số 55/2024/QH15 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; (4) Mục 5 được thực hiện theo Quy chế phối hợp giữa lực lượng bảo vệ cơ quan và cảnh sát bảo vệ mục tiêu. ; (5) Mục 6, mục 7 tại Chỉ thị số 02/2008/CT-NHNN: việc tổng kết, đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư liên bộ số 14/TTLB đến nay chưa được thực hiện và cũng chưa được phối hợp với các đơn vị liên quan thay thế. - Một số nhiệm vụ tại Chỉ thị gắn với thời hạn thực hiện trong năm 2008, không còn phù hợp. Do đó, đề xuất bãi bỏ Chỉ thị để bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.
13	Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11/02/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng	- Thông tư số 04/2010/TT-NHNN được ban hành dựa trên căn cứ pháp lý là Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 1997 - Điều 201 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15	Việc bãi bỏ Thông tư 04/2010/TT-NHNN là phù hợp và không tạo ra khoảng trống pháp lý, cụ thể: 1. Căn cứ pháp lý để ban hành Thông tư đã hết hiệu lực Thông tư số 04/2010/TT-NHNN được ban hành dựa trên căn cứ pháp lý là Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 1997 (được sửa đổi, bổ sung năm 2004). Luật Các TCTD năm 1997 đã được thay thế bởi Luật Các TCTD năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quy định hiện hành là Luật Các TCTD năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung). 2. Nội dung của Thông tư không còn phù hợp với quy định

			hiện hành - Thông tư số 04/2010/TT-NHNN quy định về nội dung sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD căn cứ vào Điều 34 Luật Các TCTD năm 1997: "Điều 34. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản." - Tuy nhiên, Điều 153 Luật Các TCTD năm 2010 quy định: "Điều 153. Tổ chức lại tổ chức tín dụng 1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản." Theo đó, Luật Các TCTD năm 2010 đã không còn quy định tổ chức lại TCTD gồm cả mua lại TCTD. Quy định hiện hành là Luật Các TCTD năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) cũng không còn quy định tổ chức lại TCTD gồm cả mua lại TCTD. Theo đó, việc quy định mua lại TCTD tại Thông tư số 04/2010/TT-NHNN không còn phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung). Về thực tiễn, qua rà soát, hiện NHNN không xử lý hồ sơ mua lại TCTD nào theo quy định tại Thông tư 04/2010/TT-NHNN. 3. Căn cứ thay thế và văn bản quy phạm pháp luật hiện hành áp dụng Hiện Thông tư 04/2010/TT-NHNN chỉ còn nội dung về mua lại do quy định về sáp nhập, hợp nhất TCTD tại Thông tư số 04/2010/TT-NHNN đã được bãi bỏ theo điểm a khoản 2 Điều 24 Thông tư số 36/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng (Thông tư số 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 đã bãi bỏ Thông tư số

			36/2015/TT-NHNN): “Điều 24. Hiệu lực thi hành 2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các điều khoản sau đây hết hiệu lực: a) Khoản 1, 2, 4, 5, 7 Điều 4; khoản 1, 2 Điều 6; chương II; chương III; các quy định về sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng quy định tại Điều 1, Điều 3 khoản 8 Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng;”
14	Thông tư số 30/2018/TT-NHNN ngày 12/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn xác định vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa là tổ chức tín dụng	- Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp - Khoản 2 Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL	Thông tư số 30/2018/TT-NHNN được ban hành để hướng dẫn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần “Việc xác định vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa là các tổ chức tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”. Hiện nay, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nghị định số 57/2026/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 đã thiết lập khuôn khổ pháp lý mới về cổ phần hóa và xác định giá trị doanh nghiệp. Theo đó, tại Nghị định này không còn quy định giao NHNN hướng dẫn việc xác định vốn nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần hóa là TCTD như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

			Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL , Vụ TCKT đề xuất bãi bỏ hiệu lực Thông tư số 30/2018/TT-NHNN nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
15	Thông tư số 46/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.	- Điều 3 Nghị định 26/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP ngày 03/06/2026). - Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).	Việc bãi bỏ Thông tư là phù hợp và bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, không phát sinh vướng mắc pháp lý hay trường hợp xử lý dở dang trên thực tế. 1. Hiện nay không còn đối tượng áp dụng theo Điều 1 Thông tư Qua rà soát thực tế thực hiện quy định chuyển tiếp về tỷ lệ sở hữu cổ phần, kết quả báo cáo giám sát vĩ mô cho thấy hiện nay không còn đối tượng áp dụng theo Điều 1 của Thông tư, cụ thể là không còn trường hợp cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. Do đó, các quy định chuyển tiếp này không còn trường hợp nào đang xử lý dở dang hay phát sinh vướng mắc thực tiễn. 2. Về tính phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới Các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 của Thông tư có đề cập đến tên đơn vị là “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng". Tên gọi và chức năng này hiện không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP ngày 03/06/2026). Theo đó, trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng được giao cho các đơn vị Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, NHNN chi nhánh Khu vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao

			Do đó, việc xem xét xử lý/bãi bỏ Thông tư là hoàn toàn thống nhất với khung pháp lý hiện hành về tổ chức bộ máy.
16	Thông tư số 26/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	- Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 - Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15 - Luật Báo chí số 126/2025/QH15 - Nghị định số 26/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Nghị định số 244/2026/NĐ-CP quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước.	Qua rà soát cơ sở pháp lý, phạm vi điều chỉnh và nội dung Thông tư số 26/2020/TT-NHNN, đồng thời đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành, cho thấy hệ thống pháp luật về phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã có nhiều thay đổi. Phần lớn nội dung của Thông tư số 26/2020/TT-NHNN hiện đã được quy định tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn, pháp luật chuyên ngành hoặc thuộc phạm vi phân công, phối hợp nội bộ của NHNN. - Các căn cứ pháp lý trực tiếp của Thông tư số 26/2020/TT-NHNN đã có sự thay đổi. Đặc biệt, Nghị định số 09/2017/NĐ-CP - căn cứ trực tiếp đối với nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí - đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và được thay thế bởi Nghị định số 244/2026/NĐ-CP. Nghị định số 244/2026/NĐ-CP đã quy định đầy đủ, thống nhất về người phát ngôn, quyền và trách nhiệm của người phát ngôn, hình thức và chế độ cung cấp thông tin, phát ngôn trong trường hợp đột xuất, bất thường và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Đồng thời, khoản 3 Điều 8 và Điều 12 Nghị định số 244/2026/NĐ-CP quy định người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm ban hành, tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; cơ quan chưa có quy chế nội bộ phải xây dựng, ban hành theo thời hạn quy định. Như vậy, số 244/2026/NĐ-CP đã xác định các quy định chung được thực hiện trực tiếp theo Nghị định, còn các nội dung đặc thù về tổ chức thực hiện tại từng cơ quan được điều chỉnh bằng quy chế nội bộ, do đó không còn

			sự cần thiết tiếp tục duy trì các nội dung này tại một Thông tư riêng của NHNN. - Đối với nội dung cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tại Chương III Thông tư 26/2020/TT-NHNN, các quyền, nghĩa vụ và căn cứ cung cấp thông tin hiện đã được quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15, Luật Tiếp cận thông tin và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan; các nội dung còn lại chủ yếu là phân công thẩm quyền, đầu mối và cơ chế phối hợp trong nội bộ NHNN. - Căn cứ quy định tại Nghị định số 244/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ, trên cơ sở kế thừa các quy định phù hợp tại Thông tư số 26/2020/TT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ngân hàng Nhà nước (kèm theo Quyết định số 2177/QĐ-NHNN ngày 07/10/2026). Trong đó, các nội dung liên quan đến cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân và công bố trên Cổng TTĐT hiện đã được điều chỉnh trực tiếp tại Luật Tiếp cận thông tin 2026, Luật NHNN và các quy chế nội bộ liên quan (Quyết định số 2885/QĐ-NHNN ngày 28//2025 ban hành quy chế làm việc của NHNN, Quyết định số 2110/QĐ-NHNN ngày 20/12/2020 ban hành Quy chế tổ chức, quản lý và vận hành Cổng TTĐT). Việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ngân hàng Nhà nước (kèm theo Quyết định số 2177/QĐ-NHNN ngày 07/10/2026) đã đảm bảo tính liên tục, thông suốt và không để phát sinh khoảng trống pháp lý sau khi Thông tư số 26/2020/TT-NHNN được bãi bỏ.

17	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung). - Thông tư số 27/2024/TTNHNN ngày 28/6/2024 của NHNN quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; -Thông tư số 29/2024/TTNHNN ngày 28/06/2024 của NHNN quy định về quỹ tín dụng nhân dân; - Thông tư số 56/2025/TTNHNN ngày 26/12/2025 của NHNN quy định hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi của tổ chức tài chính vi mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; -Thông tư 10/2025/TTNHNN ngày 24/06/2025 quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấyphép và thanh lý tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân - Thông tư 30/2024/TTNHNN ngày 30/06/2024 sửa đổi các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	- Nội dung tại Thông tư 24/2023/TT-NHNN gồm 10 Điều trong đó các Điều 1, 2, 3, 4, 5 ,6 ,7, 8 đều đã hết hiệu lực do đã bị bãi bỏ bởi các Thông tư có nội dung bãi bỏ các quy định trên tại Thông tư 24/2023/TT-NHNN. - Điều 9, 10 Quy định trách nhiệm và điều khoản thi hành. Cụ thể như sau - Điều 1 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số điểm, phụ lục của Thông tư số 31/2012/TTNHNN ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về ngân hàng hợp tác xã bị bãi bỏ bởi Điểm đ Khoản 2 Điều 33 Thông tư 27/2024/TT- NHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 - Điều 2 Thay thế một số phụ lục của Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân bị bãi bỏ bởi Điểm đ Khoản 2 Điều 35 Thông tư 29/2024/TTNHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 - Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số khoản, điểm, phụ lục của Thông tư số 03/2018/TTNHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô bị bãi bỏ bởi Điểm c Khoản 3 Điều 30 Thông tư 33/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 -Điều 4. Thay thế một số phụ lục của Thông tư số 22/2022/TTNHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 05/2018/TTNHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những

			thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã bị bãi bỏ bởi Điểm d Khoản 2 Điều 19 Thông tư 28/2024/TTNHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 - Điều 5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, phụ lục của Thông tư số 10/2018/TTNHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô bị bãi bỏ bởi Điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư 56/2025/TT- NHNN có hiệu lực từ ngày 09/02/2026 - Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm, cụm từ, phụ lục của Thông tư số 23/2018/TT NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân bị bãi bỏ bởi Điểm c Khoản 2 Điều 36 Thông tư 10/2025/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15/08/2025 - Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm, phụ lục của Thông tư 25/2017/TTNHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bị bãi bỏ bởi Điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư 30/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. - Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm, phụ lục của Thông tư số 22/2018/TTNHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị bãi bỏ bởi Khoản 4 Điều 4 Thông tư 10/2024/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 - Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng,

			Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. - Điều 10. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2024. 2. Đối với các hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xem xét, xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TTNHNN, Thông tư số 03/2018/TT-NHNN, Thông tư số 22/2022/TTNHNN, Thông tư số 10/2018/TT-NHNN, Thông tư số 23/2018/TTNHNN, Thông tư 25/2017/TT-NHNN, Thông tư số 22/2018/TTNHNN. 3. Thông tư này bãi bỏ khoản 13 Điều 2 Thông tư số 13/2019/TTNHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, cần bãi bỏ Thông tư 24/2023/TT-NHNN do các quy định tại 24/2023/TT-NHNN đã hết hiệu lực